

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ALVICO

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ALVICO

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	8 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ALVICO

Số 77-79 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng ALVICO trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Xây dựng ALVICO (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Xây dựng ALVICO được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3300529819, đăng ký lần đầu vào ngày 21 tháng 01 năm 2008.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 16 vào ngày 14 tháng 02 năm 2022.

Công ty chuyển trụ sở chính từ Đường Trường Sơn, Tổ 3, Tổ dân phố 5, Thị trấn A Lưới, Huyện A Lưới, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam sang địa chỉ số 77-79 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam kể từ ngày 14/02/2022, đồng thời làm thủ tục chuyển địa điểm quyết toán thuế từ Chi cục Thuế Huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế sang Chi cục Thuế quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội kể từ ngày 14/02/2022.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm các vị như sau:

Hội đồng Quản trị:

Họ và tên:

Chức vụ:

- | | |
|-----------------------|------------------------------------|
| - Bà Lâm Thu Huyền | Chủ tịch |
| - Ông Bùi Minh Trường | Thành viên (i) Đến ngày 14/05/2022 |
| - Bà Lê Thị Lộc | Thành viên |
| - Ông Nguyễn Hải Ninh | Thành viên (i) Từ ngày 14/05/2022 |

(i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ-ALV ngày 14/05/2022.

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm các vị như sau:

Ban Tổng giám đốc:

Họ và tên:

Chức vụ:

- | | |
|------------------------|--|
| - Bà Lê Thị Thảo | Tổng Giám đốc |
| - Ông Phạm Ngọc Phương | Phó Tổng Giám đốc (ii) Đến ngày 31/03/2022 |

(ii) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06/2022/NQQ-HĐQT-ALV ngày 31/03/2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ALVICO

Số 77-79 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Ban Kiểm soát:

Họ và tên:

- Bà Mai Thị Xuyên
- Bà Lê Hoàng Yến
- Ông Đặng Xuân Hòa

Chức vụ:

- Trưởng Ban Kiểm soát
- Thành viên
- Thành viên

Người đại diện theo pháp luật:

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Bà Lê Thị Thảo - Tổng Giám đốc Công ty.

3. Trụ sở

Công ty Cổ phần Xây dựng ALVICO có trụ sở tại Số 77-79 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam. Địa điểm kinh doanh Long Khánh có địa chỉ tại số 16, đường 16, khu phố Phú Mỹ, Phường Xuân Lập, Thành phố Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

5. Sự kiện quan trọng phát sinh trong năm tài chính

Công ty chuyển trụ sở chính sang địa chỉ số 77-79 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam kể từ ngày 14/02/2022, đồng thời làm thủ tục chuyển địa điểm, quyết toán thuế sang Chi cục Thuế quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội kể từ ngày 14/02/2022.

Công ty mở địa điểm kinh doanh Long Khánh tại số 16, đường 16, khu phố Phú Mỹ, Phường Xuân Lập, Thành phố Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam từ ngày 18/03/2022.

Ngày 22/03/2022, Công ty chấm dứt hoạt động Văn phòng giao dịch tại Tầng 6, tháp A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội theo thông báo số 77041/22 của Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

Ngày 06/06/2022, Công ty thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng ALVICO tại TP Hồ Chí Minh và bổ nhiệm người đứng đầu chi nhánh là Bà Lê Thị Thảo theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 12/2022/NQ-HĐQT-ALV ngày 03/06/2022.

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐQT-ALV ngày 17/3/2023, Hội đồng Quản trị thống nhất thông qua việc hủy phương án chào bán cổ phiếu tăng vốn Điều lệ của Công ty (Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn Điều lệ được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022). Việc hủy phương án phát hành cổ phiếu này sẽ được Hội đồng Quản trị trình ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ngoài ra, đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ALVICO

Số 77-79 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

9. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2023

**THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC**



LÊ THỊ THẢO

Số: 15/2023/BCKT- PKF.NHN

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng ALVICO**

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam, đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần Xây dựng ALVICO được lập ngày 28 tháng 3 năm 2023, bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 8 đến trang 33 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng ALVICO chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng ALVICO có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Xây dựng ALVICO, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Chu Quang Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1022-2023-242-1

Hoàng Văn Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2917-2019-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ALVICO

Số 77-79 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 ngày 12 năm 2022Mẫu số B 01 – DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		79.442.048.274	45.257.473.168
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	16.811.321.493	13.602.407.869
Tiền	111		16.811.321.493	13.602.407.869
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		53.557.840.363	9.516.173.612
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	54.319.132.471	9.065.077.505
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	5.201.276.948	4.939.364.348
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	-	2.030.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	555.699.185	-
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.8	(6.518.268.241)	(6.518.268.241)
Hàng tồn kho	140	5.6	5.653.331.901	16.802.198.334
Hàng tồn kho	141		5.653.331.901	16.802.198.334
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.419.554.517	5.336.693.353
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	69.616.611	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.349.937.906	5.336.693.353
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		47.261.466.945	43.992.428.940
Các khoản phải thu dài hạn	210		890.000.000	390.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	5.5	890.000.000	390.000.000
Tài sản cố định	220		45.888.290.585	42.299.651.054
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	45.888.290.585	42.299.651.054
- Nguyên giá	222		55.317.678.057	44.347.718.182
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.429.387.472)	(2.048.067.128)
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	624.139.100
Chi phí XDDB dở dang	242	5.7	-	624.139.100
Tài sản dài hạn khác	260		483.176.360	678.638.786
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	483.176.360	678.638.786
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		126.703.515.219	89.249.902.108

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ALVICO

Số 77-79 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 01 – DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
NỢ PHẢI TRẢ	300		50.716.243.219	17.796.747.105
Nợ ngắn hạn	310		41.112.944.329	12.247.178.215
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	28.350.349.050	8.106.993.828
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	1.289.214.700	4.073.821.271
Phải trả ngắn hạn khác	319		30.320.820	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	11.376.696.643	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		66.363.116	66.363.116
Nợ dài hạn	330		9.603.298.890	5.549.568.890
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.12	4.053.730.000	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.14	5.549.568.890	5.549.568.890
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		75.987.272.000	71.453.155.003
Vốn chủ sở hữu	410	5.15	75.987.272.000	71.453.155.003
Vốn góp của chủ sở hữu	411		56.579.360.000	56.579.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.579.360.000	56.579.360.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		(17.000.000)	(17.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		415.707.715	415.707.715
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.009.204.285	14.475.087.288
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		14.475.087.288	8.871.353.875
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.534.116.997	5.603.733.413
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		126.703.515.219	89.249.902.108

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



HÀ THỊ HỒNG NHUNG

HÀ THỊ HỒNG NHUNG

LÊ THỊ THẢO

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ALVICO

Số 77-79 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 02 – DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	105.287.119.087	101.131.541.985
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	254.545.454
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		105.287.119.087	100.876.996.531
Giá vốn hàng bán	11	6.3	94.833.763.869	93.117.749.582
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.453.355.218	7.759.246.949
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	111.252.248	1.911.751.412
Chi phí tài chính	22	6.5	1.036.165.621	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	3.571.046.007	3.149.878.506
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.957.395.838	6.521.119.855
Thu nhập khác	31	6.7	681.740	1.749.459.512
Chi phí khác	32	6.8	232.345.066	1.012.730.081
Lợi nhuận khác	40		(231.663.326)	736.729.431
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.725.732.512	7.257.849.286
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	1.191.615.515	1.654.115.873
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.534.116.997	5.603.733.413
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	801	990
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.11	801	990

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





HÀ THỊ HỒNG NHUNG

HÀ THỊ HỒNG NHUNG

LÊ THỊ THẢO

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ALVICO

Số 77-79 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu số B 03 – DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Năm 2022	Năm 2021
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SX KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	5.725.732.512	7.257.849.286
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	7.779.742.084	1.598.067.118
Các khoản dự phòng	03	-	5.836.399.299
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(111.933.988)	(1.911.751.412)
Chi phí lãi vay	06	1.036.165.621	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	14.429.706.229	12.780.564.291
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(44.584.911.304)	42.586.888.806
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	11.148.866.433	(16.200.400.217)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	18.496.392.187	(37.522.922.386)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	125.845.815	(602.203.761)
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.036.165.621)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.198.938.231)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3.619.204.492)	1.041.926.733
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(12.563.560.775)	(42.971.857.282)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.820.000.000	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.000.000.000)	(2.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	5.030.000.000	16.300.000.000
Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	-	29.780.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	111.252.248	1.911.751.412
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(8.602.308.527)	3.019.894.130
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	25.120.063.785	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	(9.689.637.142)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	15.430.426.643	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	3.208.913.624	4.061.820.863
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	13.602.407.869	9.540.587.006
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	16.811.321.493	13.602.407.869

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





HÀ THỊ HỒNG NHUNG

HÀ THỊ HỒNG NHUNG

LÊ THỊ THẢO

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Xây dựng ALVICO được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3300529819, đăng ký lần đầu vào ngày 21 tháng 01 năm 2008.

Công ty chuyển trụ sở chính tại địa chỉ “Đường Trường Sơn, Tổ 3, Tổ dân phố 5, Thị trấn A Lưới, Huyện A Lưới, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam” sang địa chỉ tại “số 77-79 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam” kể từ ngày 14/02/2022, đồng thời làm thủ tục chuyển địa điểm quyết toán thuế từ Chi cục Thuế Huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế sang Chi cục Thuế quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội kể từ ngày 14/02/2022 và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 16 vào ngày 14/02/2022.

Công ty có đăng ký địa điểm kinh doanh (“Địa điểm kinh doanh Long Khánh – Công ty Cổ phần Xây dựng ALVICO”) địa chỉ tại số 16, đường 16, khu phố Phú Mỹ, Phường Xuân Lập, Thành phố Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam (theo Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh với mã số địa điểm kinh doanh 0002 đăng ký lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 18/03/2022).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty là: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác và chế biến đá, cát, sỏi, đất sét.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác và chế biến đá, cát, sỏi, đất sét;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Không bao gồm Bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Cho thuê xe có động cơ;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển;
- Xây dựng nhà để ở; Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, bến cảng, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư, khu du lịch;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

Chi tiết: Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình, bao gồm: thiết kế kiến trúc; thiết kế kết cấu công trình, thiết kế cơ - điện công trình, thiết kế cấp - thoát nước công trình; thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; Khảo sát xây dựng, bao gồm: Khảo sát địa hình; khảo sát địa chất công trình; Lập quy hoạch xây dựng; Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Thi công xây dựng công trình; Giám sát thi công xây dựng công trình.

- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty Cổ phần Xây dựng ALVICO có trụ sở tại Số 77-79 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam. Địa điểm kinh doanh Long Khánh có địa chỉ tại số 16, đường 16, khu phố Phú Mỹ, Phường Xuân Lập, Thành phố Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Công ty có 01 Chi nhánh là:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng ALVICO có địa chỉ tại Căn D-12B, Số 50 Đường N2, khu Đô thị Phố đông Village, số 1145 Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 17 người (tại ngày 31/12/2021 là 18 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 của Công ty.

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay theo khế ước các bên nhưng không được mua, bán trên thị trường chứng khoán. Tùy theo hợp đồng, các khoản cho vay theo khế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Đối với các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản vay có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành số ghi nhận tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản cho vay.

4.4. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|-----------------------------------|---------------------|
| - Nguyên vật liệu, CCDC, hàng hóa | Bình quân gia quyền |
| - Thành phẩm, hàng hóa | Bình quân gia quyền |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.6. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

- Máy móc, trang thiết bị: 05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn: 05 - 06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý: 05 năm

4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

4.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.9. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.10. Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong năm tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong năm tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng năm không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong năm tài chính đó.

4.11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính nhưng chưa được thực chi tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phản chênh lệch tương ứng.

4.12. Dự phòng phải trả

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ và đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở năm kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở năm kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở năm kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở năm kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của năm kế toán đó.

Dự phòng phải trả của Công ty là khoản dự phòng bảo hành sản phẩm đã bán được Công ty cam kết bảo hành tại hợp đồng bán hàng.

4.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại Cuộc họp cổ đông thường niên. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.14. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được khách hàng chấp nhận.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.15. Giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của thành phẩm, dịch vụ bán ra và hoạt động xây lắp nghiệm thu trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4.16. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định, và các chi phí tài chính khác phát sinh trong năm tài chính.

4.17. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hoá, xây lắp, dịch vụ do Công ty cung cấp chịu mức thuế suất thuế GTGT là 8% và 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.18. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4.19. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 – DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2022	01/01/2022
	(VND)	(VND)
Tiền mặt tại quỹ	(i) 1.787.633.892	672.159.089
Tiền gửi ngân hàng	(ii) 15.023.687.601	12.930.248.780
Cộng	16.811.321.493	13.602.407.869

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 31/12/2022 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Ngoại tệ		-
Đồng Việt Nam		1.787.633.892
Cộng		1.787.633.892

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2022 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Đồng Việt Nam		15.023.687.601
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai		15.006.125.699
Các ngân hàng khác		17.561.902
Ngoại tệ		-
Cộng		15.023.687.601

5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2022	01/01/2022
	(VND)	(VND)
a) Ngắn hạn	54.319.132.471	9.065.077.505
Công ty Cổ phần Edico	1.584.508.484	1.584.508.484
Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng	1.520.541.009	2.481.829.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Trí Đức	16.866.386.619	-
Công ty CP XNK và TM Phú Minh Châu - chi nhánh Đồng Nai	1.243.095.000	1.388.095.000
Công ty CP Dịch vụ Đầu tư Thương mại 5S Việt	2.040.218.740	1.922.769.160
Công ty CP Thanh Tâm	2.830.040.000	159.500.000
Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	2.096.476.839	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 22	3.786.981.197	-
Cty CP Xây dựng - Thương mại Hùng Vĩ	12.951.301.867	-
Công ty CP Xây dựng và Hạ tầng viễn thông Việt Nam	6.083.650.041	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	3.315.932.675	1.528.375.861
b) Dài hạn	-	-
Cộng	54.319.132.471	9.065.077.505

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ALVICO

Số 77-79 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
a) Ngắn hạn	5.201.276.948	4.939.364.348
Công ty CP Khoáng sản và Đầu tư Visaco	2.851.240.883	2.851.240.883
Công ty TNHH MTV DV-TM Hào Thành Tâm	1.255.688.465	1.255.688.465
Công ty TNHH TM & DV Tổng hợp Khởi Minh	540.000.000	540.000.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	554.347.600	292.435.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	5.201.276.948	4.939.364.348

5.4 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
Công ty CP Kinh doanh Quốc tế Đại Việt	-	2.030.000.000
Cộng	-	2.030.000.000

5.5 Phải thu khác

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	555.699.185	-	-	-
Phải thu khác	97.699.185	-	-	-
Ký quỹ, ký cược	458.000.000	-	-	-
b) Dài hạn	890.000.000	-	390.000.000	-
Ký quỹ, ký cược	890.000.000	-	390.000.000	-
Cộng	1.445.699.185	-	390.000.000	-

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	171.759.982	-	1.090.395.000	-
Chi phí SXKD dở dang	4.198.900.489	-	-	-
Hàng hóa	1.282.671.430	-	15.711.803.334	-
Cộng	5.653.331.901	-	16.802.198.334	-

5.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
Xây dựng cơ bản: Thi công hệ thống bơm nước tại Đồng Nai	-	624.139.100
Cộng	-	624.139.100

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ALVICO

Số 77-79 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN

5.8 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc
				Giá trị có thể thu hồi
				Dự phòng
				Dự phòng
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	6.518.268.241	-	6.518.268.241	-
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	-	-	-	-
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	-	-	-
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	-	-	-
Trên 3 năm	6.518.268.241	-	6.518.268.241	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.871.338.893	-	1.871.338.893	-
Công ty Cổ phần Edico	1.584.508.484	-	1.584.508.484	-
Công ty CP Khoáng sản và Dầu tư Visaco	286.830.409	-	286.830.409	-
Trả trước cho người bán	4.646.929.348	-	4.646.929.348	-
Công ty CP Khoáng sản và Dầu tư Visaco	2.851.240.883	-	2.851.240.883	-
Công ty TNHH MTV DV-TM Hảo Thành Tâm	1.255.688.465	-	1.255.688.465	-
Công ty TNHH TM & DV Tổng hợp Khởi Minh	540.000.000	-	540.000.000	-
Cộng	6.518.268.241	-	6.518.268.241	-
				6.518.268.241

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ALVICO

Số 77-79 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc, trang thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (VND)	Thiết bị, dụng cụ quản lý (VND)	Tổng cộng (VND)
NGUYỄN GIÁ				
Số dư tại ngày 01/01/2022	28.132.272.727	16.165.000.000	50.445.455	44.347.718.182
- Mua trong năm	7.283.331.693	5.904.368.182	-	13.187.699.875
- Giảm do thanh lý	-	(2.217.740.000)	-	(2.217.740.000)
Số dư tại ngày 31/12/2022	35.415.604.420	19.851.628.182	50.445.455	55.317.678.057
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại ngày 01/01/2022	1.876.343.490	163.749.998	7.973.640	2.048.067.128
- Khấu hao trong năm	4.572.165.980	3.197.487.008	10.089.096	7.779.742.084
- Giảm do thanh lý	-	(398.421.740)	-	(398.421.740)
Số dư tại ngày 31/12/2022	6.448.509.470	2.962.815.266	18.062.736	9.429.387.472
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2022	26.255.929.237	16.001.250.002	42.471.815	42.299.651.054
Tại ngày 31/12/2022	28.967.094.950	16.888.812.916	32.382.719	45.888.290.585
Nguyên giá tài sản thế chấp các khoản vay:				10.093.475.219
Giá trị còn lại tài sản thế chấp các khoản vay:				9.297.657.635

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ALVICO

Địa chỉ: Số 77-79 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN

5.10 Chi phí trả trước

	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
a) Ngắn hạn	69.616.611	-
Phí bảo hiểm, phần mềm	69.616.611	-
b) Dài hạn	483.176.360	678.638.786
Công cụ, dụng cụ	272.425.781	359.204.152
Chi phí sửa chữa văn phòng	210.750.579	317.561.499
Chi phí phân bổ khác	-	1.873.135
Cộng	552.792.971	678.638.786

5.11 Phải trả người bán

	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	28.350.349.050	28.350.349.050
Công ty CP XNK và TM Phú Minh Châu - Chi nhánh Đồng Nai	7.005.765.961	7.005.765.961
Công ty CP Thanh Tâm	5.035.957.515	5.035.957.515
Công ty CP Xây dựng và Thương mại Đông Hải	1.901.701.730	1.901.701.730
Công ty CP đầu tư Bách Gia An	12.093.526.344	12.093.526.344
Công ty TNHH Việt Đức	-	-
Công ty Cổ phần CeVina	598.495.033	598.495.033
Công ty Cổ phần Cao su Hải Phòng	-	-
Các khách hàng khác	1.714.902.467	1.714.902.467
b) Dài hạn	-	-
Cộng	28.350.349.050	28.350.349.050
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	8.106.993.828	8.106.993.828
	217.400.000	217.400.000
	215.510.935	215.510.935
	2.501.701.730	2.501.701.730
	-	-
	1.560.068.034	1.560.068.034
	1.097.240.894	1.097.240.894
	959.200.000	959.200.000
	1.555.872.235	1.555.872.235
	-	-
	8.106.993.828	8.106.993.828

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ALVICO

Địa chỉ: Số 77-79 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN

5.12 Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2022 (VND)		31/12/2022 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng trong năm (VND)	Giảm trong năm (VND)
a) Gốc vay ngắn hạn	-	-	19.120.063.785	9.072.379.142
(i) Ngân hàng TMCP SHB - CN Hải Phòng	-	-	19.120.063.785	9.072.379.142
b) Gốc vay dài hạn	-	-	6.000.000.000	617.258.000
(ii) Ngân hàng Sacombank - CN Thủ Đức	-	-	6.000.000.000	617.258.000
Cộng	-	-	25.120.063.785	9.689.637.142
c) Phân loại vay dài hạn đến hạn trả	01/01/2022 (VND)		31/12/2022 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Ngân hàng Sacombank - CN Thủ Đức	-	-	1.329.012.000	1.329.012.000
Cộng	-	-	1.329.012.000	1.329.012.000
d) Số dư tại thời điểm lập báo cáo tài chính				
d1 Vay ngắn hạn (d1 = a+c)	-	-	11.376.696.643	11.376.696.643
d2 Vay dài hạn (d2 = b-c)	-	-	4.053.730.000	4.053.730.000
Cộng	-	-	15.430.426.643	15.430.426.643

- (i) Ngày 21/03/2022, Công ty ký hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 63/2022/HDHM-PN/SHB.110400 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội, Chi nhánh Hải Phòng với hạn mức tín dụng là 65.000.000.000 đồng, hạn mức cho vay là 30.000.000.000 đồng với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công xây dựng. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng (từ ngày 21/03/2022 đến ngày 21/03/2023). Thời hạn cho vay của mỗi khoản vay thuộc HMTD tối đa là 6 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ALVICO

Địa chỉ: Số 77-79 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN

5.12 Vay và nợ thuế tài chính (Tiếp theo)

- (ii) Công ty ký hợp đồng tín dụng số 202226613569 ngày 22/04/2022, hợp đồng tín dụng số 202226595303-01 ngày 28/04/2022 và hợp đồng tín dụng số 202226617384 ngày 26/09/2022 với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Thủ Đức theo phương thức cấp tín dụng từng lần. Lãi suất, số tiền, thời gian và mục đích vay được quy định trong từng lần cấp tín dụng. Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 202226613569/HĐTCOTO ngày 22/04/2022 là Ô tô 8 chỗ Kia màu trắng BKS 30H-672.77 số khung RNYND5BA8NC253838, loại CARNIVAL KA4 2.2 AT FL8, tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 20222659303-01/HĐTCMM ngày 28/04/2022 là Máy đào thủy lực bánh xích Komatsu, model PC350-8M0 S/N:83113, số khung KMTPC247EMC083113, số động cơ: 6D11426890487, tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 20222661734/HĐTC ngày 26/09/2022 là Xe ô tô tải tự đổ BKS: 29HC-010.30, Xe ô tô tải tự đổ BKS: 29HC-010.26.

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2022 (VND)	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2022 (VND)
a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.073.821.271	1.326.769.765	4.111.376.336	1.289.214.700
Thuế giá trị gia tăng	1.242.559.723	-	1.242.559.723	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.198.938.231	1.191.615.515	2.198.938.231	1.191.615.515
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	632.323.317	135.154.250	669.878.382	97.599.185
b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	-	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ALVICO

Số 77-79 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN

5.14 Dự phòng phải trả

	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
a) Ngắn hạn	-	-
b) Dài hạn	5.549.568.890	5.549.568.890
Chi phí bảo hành công trình Cảng thủy nội địa (*)	5.549.568.890	5.549.568.890
Cộng	5.549.568.890	5.549.568.890

(*) Công ty trình cảng thủy nội địa đã được nghiệm thu quyết toán và đã được thanh toán toàn bộ. Công ty thực hiện trích lập dự phòng bảo hành công trình theo đúng quy định của hợp đồng.

5.15 Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Quỹ đầu tư phát triển (VND)	LNST chưa phân phối (VND)	Tổng cộng (VND)
Số dư tại ngày 01/01/2021	56.579.360.000	(17.000.000)	415.707.715	8.871.353.875	65.849.421.590
Lãi trong năm trước	-	-	-	5.603.733.413	5.603.733.413
Số dư tại ngày 01/01/2022	56.579.360.000	(17.000.000)	415.707.715	14.475.087.288	71.453.155.003
Lãi trong năm nay	-	-	-	4.534.116.997	4.534.116.997
Số dư tại ngày 31/12/2022	56.579.360.000	(17.000.000)	415.707.715	19.009.204.285	75.987.272.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ALVICO

Số 77-79 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 – DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Chi tiết số dư vốn góp của các cổ đông

	31/12/2022	31/12/2022	01/01/2022
	(Tỷ lệ)	(VND)	(VND)
Bà Hoàng Thị Liên	4,88%	2.763.000.000	2.523.000.000
Bà Lâm Thu Huyền	4,95%	2.800.000.000	-
Bà Nguyễn Đăng Khánh Vy	4,93%	2.788.000.000	2.785.000.000
Ông Phương Tiến Dũng	4,88%	2.759.080.000	344.000.000
Bà Phùng Thị Thủy	4,90%	2.770.000.000	2.000.000.000
Bà Vi Thị Thu Hà	4,95%	2.800.000.000	-
Bà Đào Thị Hà Phương	4,86%	2.751.000.000	2.749.000.000
Các Cổ đông khác	65,65%	37.148.280.000	46.178.360.000
Cộng	100%	56.579.360.000	56.579.360.000

Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng CP đăng ký phát hành	5.657.936	5.657.936
Số lượng CP đã bán ra công chúng	5.657.936	5.657.936
Cổ phiếu phổ thông	5.657.936	5.657.936
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.657.936	5.657.936
Cổ phiếu phổ thông	5.657.936	5.657.936
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 – DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022	Năm 2021
	(VND)	(VND)
Doanh thu bán hàng hóa	64.047.737.767	17.318.156.792
Doanh thu hoạt động xây lắp	27.640.776.230	81.773.070.963
Doanh thu cung cấp dịch vụ, sản phẩm khác	13.598.605.090	2.040.314.230
Cộng	105.287.119.087	101.131.541.985

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2022	Năm 2021
	(VND)	(VND)
Hàng bán bị trả lại	-	254.545.454
Cộng	-	254.545.454

6.3 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022	Năm 2021
	(VND)	(VND)
Giá vốn bán hàng hóa	59.144.628.733	16.543.521.301
Giá vốn hoạt động xây lắp	27.051.610.183	75.137.768.771
Giá vốn cung cấp dịch vụ, sản phẩm khác	8.637.524.953	1.436.459.510
Cộng	94.833.763.869	93.117.749.582

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
	(VND)	(VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	111.252.248	1.911.751.412
Cộng	111.252.248	1.911.751.412

6.5 Chi phí tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
	(VND)	(VND)
Lãi vay phải trả	1.036.165.621	-
Cộng	1.036.165.621	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 – DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

6.6 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022	Năm 2021
	(VND)	(VND)
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	3.571.046.007	3.149.878.506
Chi phí nhân-viên	1.103.858.893	1.126.160.308
Chi phí khấu hao tài sản cố định	90.499.372	7.973.640
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	286.830.409
Chi phí dịch vụ mua ngoài	888.427.941	890.116.474
Chi phí khác bằng tiền	1.488.259.801	838.797.675
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	-	-
Cộng	3.571.046.007	3.149.878.506

6.7 Thu nhập khác

	Năm 2022	Năm 2021
	(VND)	(VND)
Thanh lý nhượng bán TSCĐ	681.740	-
Nợ phải trả được khách hàng xóa nợ	-	1.658.550.422
Các khoản khác	-	90.909.090
Cộng	681.740	1.749.459.512

6.8 Chi phí khác

	Năm 2022	Năm 2021
	(VND)	(VND)
Các khoản bị phạt, thuế truy thu	232.345.066	1.012.730.081
Cộng	232.345.066	1.012.730.081

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022	Năm 2021
	(VND)	(VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.725.732.512	7.257.849.286
Các khoản điều chỉnh tăng/ giảm	232.345.066	1.012.730.081
- Chi phí không được trừ	232.345.066	1.012.730.081
Tổng thu nhập chịu thuế	5.958.077.578	8.270.579.367
Thu nhập tính thuế	5.958.077.578	8.270.579.367
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.191.615.515	1.654.115.873
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.191.615.515	1.654.115.873

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 – DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 (VND)	Năm 2021 (VND)
a) Chi phí sản xuất, KD theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	413.836.922	24.328.605.506
Chi phí nhân công	1.903.455.470	2.298.295.691
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.779.742.084	1.598.067.118
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.182.868.203	2.594.091.255
Chi phí khác bằng tiền	1.504.352.528	6.675.196.974
b) Các khoản ghi giảm chi phí	-	-
Cộng	40.784.255.207	37.494.256.544

6.11 Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**Lãi cơ bản trên cổ phiếu:**

	Năm 2022 (VND)	Năm 2021 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	4.534.116.997	5.603.733.413
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.534.116.997	5.603.733.413
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.657.936	5.657.936
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	801	990

Lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm 2022 (VND)	Năm 2021 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	4.534.116.997	5.603.733.413
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.534.116.997	5.603.733.413
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.657.936	5.657.936
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành tăng thêm (*)	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	801	990

(*) Tại Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022NQ-ĐHĐCĐ-ALV ngày 14/5/2022, đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn Điều lệ (số lượng cổ phần dự kiến chào bán là 15.000.000 cổ phần).

Theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐQT-ALV ngày 17/3/2023, Hội đồng Quản trị thống nhất thông qua việc hủy phương án chào bán cổ phiếu tăng vốn Điều lệ của Công ty. Việc hủy phương án phát hành cổ phiếu này sẽ được Hội đồng Quản trị trình ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.

7 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**7.1 Thông tin về các bên có liên quan**Các bên liên quan:

Các bên được coi là bên liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022:

	Năm 2022	Năm 2021
	(VND)	(VND)
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và HĐQT	127.807.616	150.532.154
Cộng	127.807.616	150.532.154

7.2 Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐQT-ALV ngày 17/3/2023, Hội đồng Quản trị thống nhất thông qua việc hủy phương án chào bán cổ phiếu tăng vốn Điều lệ của Công ty (Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn Điều lệ được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022). Việc hủy phương án phát hành cổ phiếu này sẽ được Hội đồng Quản trị trình ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.

Ngoài ra, đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7.3 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: hoạt động bán hàng hóa, hoạt động xây lắp và hoạt động khác. Chi tiết báo cáo bộ phận theo loại hình như sau:

Lĩnh vực kinh doanh	Bán hàng hóa	Xây lắp	Hoạt động khác	Tổng cộng
	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)
Doanh thu	64.047.737.767	27.640.776.230	13.598.605.090	105.287.119.087
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
Giá vốn	59.144.628.733	27.051.610.183	8.637.524.953	94.833.763.869
Lợi nhuận gộp	4.903.109.034	589.166.047	4.961.080.137	10.453.355.218

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu):

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

7.4 Thông tin so sánh

Số liệu được dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 Năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



HÀ THỊ HỒNG NHUNG

HÀ THỊ HỒNG NHUNG

LÊ THỊ THẢO